TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LONG HỒ** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 20/02/2023
V/v "Tranh chấp ly hôn ".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG HỒ, TỈNH VĨNH LONG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà **Phạm Thị Ánh Tuyết**
- *Các Hội thẩm nhân dân*: 1. Ông **Nguyễn Văn Trước**
2. Ông **Trần Thanh Khen**
- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông **Nguyễn Thế Anh** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.
- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Hồ***: Không tham gia phiên tòa.

Trong ngày 20 tháng 02 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 478/2022/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2022 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 01 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh **Tăng Tấn T**, sinh năm 1976 (có mặt)
Địa chỉ: Khóm 4, phường 8, thành phố T, tỉnh Trà Vinh.
Bị đơn: Chị **Nguyễn Thị Mộng T**, sinh năm 1981 (vắng mặt)
Địa chỉ: Ấp P, xã H, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và những lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Tăng Tấn T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh với chị Nguyễn Thị Mộng T kết hôn có đăng ký kết hôn ngày 03/6/2005 tại UBND phường 8, thành phố T, tỉnh Trà Vinh.

Trong thời gian chung sống anh và chị T không có tiếng nói chung, không hợp tính tình nên đã sống ly thân từ năm 2006 đến nay, vợ chồng không liên lạc với nhau. Nay anh khởi kiện xin ly hôn với chị Nguyễn Thị Mộng T.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Tăng Gia N, sinh 17/10/2004 hiện đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra anh không có yêu cầu gì khác.

- Bị đơn Nguyễn Thị Mộng T đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, cũng không có bản khai ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và không có cung cấp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ gì.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn Tăng Tấn T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.
- Bị đơn Nguyễn Thị Mộng T vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn Tăng Tấn T khởi kiện về việc xin ly hôn với bị đơn Nguyễn Thị Mộng T có địa chỉ tại xã H, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long thụ lý và giải quyết vụ án hôn nhân và gia đình theo thủ tục sơ thẩm được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn Nguyễn Thị Mộng T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không vì sự kiện bất khả kháng hoặc do trở ngại khách quan. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

[2] Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh T và chị T kết hôn có đăng ký kết hôn vào ngày 03/6/2005 tại UBND phường 8, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh do đó quan hệ hôn nhân là hợp pháp và được pháp luật công nhận theo quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Theo nguyên đơn trình bày, trong thời gian chung sống anh và chị T không có tiếng nói chung, không hợp tính tình nên đã sống ly thân từ năm 2006 đến nay, vợ chồng không liên lạc với nhau. Tại phiên tòa, anh T xác định không còn tình cảm với chị T, vợ chồng không thể hàn gắn nên anh giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn.

Theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình thì vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu nhau, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau và cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Xét thấy, giữa anh T và chị T không còn sống chung từ năm 2006 đến nay, không thực hiện nghĩa vụ của vợ chồng, không quan tâm, chăm sóc nhau. Mặt khác, trong quá trình giải quyết vụ án cho đến tại phiên tòa hôm nay, chị T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nên mặc nhiên chị T cũng đã biết được nguyên nhân dẫn đến ly hôn nhưng chị vẫn chưa có văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu ly hôn của anh T.

Vì vậy, có căn cứ để xác định các bên đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, xét yêu cầu của anh T yêu cầu được ly hôn với chị T là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

- Về con chung: có 01 con chung tên Tăng Gia N, sinh 17/10/2004 hiện đã trưởng thành, anh T không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng: Anh T không yêu cầu giải quyết và bị đơn chị T vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án, không có ý kiến nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí: Buộc anh Tăng Tấn T phải nộp 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

- Căn cứ các Điều 9, Điều 19, Điều 51, Điều 56 của luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Tăng Tấn T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Tăng Tấn T được ly hôn với chị Nguyễn Thị Mộng T.

2. Về con chung: có 01 con chung tên Tăng Gia N, sinh 17/10/2004 hiện đã trưởng thành, đương sự không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

4. Về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng: Không xem xét, giải quyết.

5. Về án phí: Buộc anh Tăng Tấn T nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn nhưng được trừ từ 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí mà anh T đã nộp theo biên lai thu số 0004291 ngày 03/10/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long nên anh T không phải nộp thêm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai, nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKS nhân dân huyện Long Hồ;
- Chi cục THADS HLH;
- Các đương sự;
- UBND xã nơi ĐKKH;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Phạm Thị Ánh Tuyết